



DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
1	Trương Thị Thanh Tuyền	16/03/2010	Nữ	7567486001	40				40	THCS Nguyễn Công Trứ			
2	Phan Tiến Dũng	25/10/2010	Nam	7565837831	40				40	THCS Hòa Bình			
3	Trần Anh Tuấn	14/01/2010	Nam	7565985121	40				40	THCS Hoàng Văn Thụ			
4	Nguyễn Thị Thanh Tú	10/04/2010	Nữ	7511065879	40				40	Tiểu học, THCS và THPT Thực hành Sư phạm			
5	Ngô Nguyễn Anh Thư	30/06/2010	Nữ	7512475093	40				40	Tiểu học, THCS và THPT Trịnh Hoài Đức			
6	Nguyễn Gia Như	14/09/2010	Nữ	7741795439	40				40	THCS Hòa Bình			
7	Đặng Phạm Khánh Đan	18/08/2010	Nữ	7521742953	39				39	TH - THCS Bắc Sơn			
8	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	04/05/2010	Nữ	7566951373	39				39	THCS Vĩnh Tân			
9	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	29/09/2008	Nữ	7544866006	39				39	THCS Tam Phước			
10	Lê Trung Thảo	10/05/2010	Nam	7565097851	39				39	THCS Tam Phước			
11	Lê Thị Quỳnh Như	20/11/2009	Nữ	7534353484	39				39	THCS Hòa Bình			
12	Nguyễn Thị Ngọc Trân	06/03/2010	Nữ	7536247327	39				39	THCS Tam Phước			
13	Vũ Hà Thái Hùng	07/09/2010	Nam	7543820757	39				39	THCS Tam Phước			
14	Phạm Ngọc Như	31/07/2010	Nữ	7567253896	39				39	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
15	Hoàng Thanh Toàn	26/12/2010	Nam	7565097857	38		1	1	39	THCS Tam Phước			
16	Võ Mỹ Ái	15/12/2009	Nữ		39				39	THCS Long Trạch			
17	Phan Văn Mạnh	20/02/2010	Nam	7534353453	39				39	THCS Hòa Bình			
18	Trần Phúc Đại	05/02/2010	Nam	7534353531	39				39	THCS Hòa Bình			
19	Phạm Hoàng Quyên	26/02/2010	Nữ	7564337891	38				38	THCS Hòa Bình			
20	Nguyễn Thị Hoài Thương	08/03/2010	Nữ	7574236423	38				38	THCS Trịnh Hoài Đức			

STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
21	Hoàng Kim Thanh	07/10/2010	Nam	7574236366	38				38	THCS Trịnh Hoài Đức			
22	Phạm Thị Thu Trang	05/02/2010	Nữ	7574236371	38				38	THCS Trịnh Hoài Đức			
23	Nguyễn Hoàng Long	03/01/2010	Nam	7573858340	38				38	THCS Tam Hòa			
24	Huỳnh Khánh Băng	28/06/2010	Nữ	7574236377	38				38	THCS Trịnh Hoài Đức			
25	Nguyễn Thảo Uyên	17/04/2010	Nữ	7567114591	38				38	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
26	Hoàng Ngọc Thu Phương	30/10/2010	Nữ	7521394397	37		1	1	38	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
27	Nguyễn Kim Quyền	06/07/2010	Nữ	7567249691	38				38	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
28	Trần Khánh Duy	06/08/2010	Nam	7575188886	38				38	THCS Minh Đức			
29	Phan Thị Thùy Vân	03/07/2010	Nữ	7543820975	38				38	THCS Tam Phước			
30	Nguyễn Hữu Thái Ân	28/10/2009	Nam	7565097961	38				38	THCS Tam Phước			
31	Nguyễn Thanh Phương	20/05/2010	Nữ	7543820829	38				38	THCS Tam Phước			
32	Lê Thị Hoàng Linh	25/03/2010	Nữ	7567249680	38				38	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
33	Phạm Thành Phát	26/02/2010	Nam	7567324852	38				38	THCS Tam Phước			
34	Trần Thùy Trang	04/02/2010	Nữ	7567650357	38				38	THCS Nguyễn Thượng Hiền			
35	Trần Văn Thiện	18/03/2010	Nam	7512885116	38				38	THCS Tam Phước			
36	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	07/08/2010	Nữ	7565838999	38				38	THCS Hòa Bình			
37	Phạm Nguyễn Ngọc Ánh	14/05/2010	Nữ	7512617752	38				38	THCS Hòa Bình			
38	Nguyễn Trần Khắc Ngọc	16/12/2010	Nam	7565838903	38				38	THCS Hòa Bình			
39	Tạ Tường Vy	20/10/2010	Nữ	7565097867	38				38	THCS Tam Phước			
40	Nguyễn Bảo An	26/02/2010	Nữ	6874602128	38				38	THCS An Bình			

STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
41	Nguyễn Phương Uyên Nghi	27/05/2010	Nữ	7566852932	38				38	THCS Võ Thị Sáu			
42	Nguyễn Trần Hà Phương	19/09/2010	Nữ	7543820677	38				38	THCS Tam Phước			
43	Huỳnh Gia Bảo	30/05/2010	Nam	7524291177	36	1.5		1.5	37.5	THCS Hùng Vương			
44	Trần Hoàng Khang	25/12/2010	Nam	7521393983	37				37	THCS Nguyễn Công Trứ			
45	Nguyễn Bảo Ngọc	02/04/2010	Nữ	7567485961	37				37	THCS Nguyễn Công Trứ			
46	Nguyễn Huy Hoàng	29/05/2010	Nam	7524425224	37				37	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
47	Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền	02/11/2010	Nữ	7567485973	37				37	THCS Nguyễn Công Trứ			
48	Nguyễn Doãn Gia Phước	10/08/2010	Nam	7573916650	37				37	THCS Đinh Tiên Hoàng			
49	Hà Ngọc Bảo Yến	12/01/2010	Nữ	7565179981	37				37	THCS Đinh Tiên Hoàng			
50	Nguyễn Đức Tấn	01/01/2010	Nam	7567485967	37				37	THCS Nguyễn Công Trứ			
51	Trần Hoàng Anh	19/10/2009	Nam	7573916624	37				37	THCS Đinh Tiên Hoàng			
52	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	09/12/2009	Nữ	7546973780	37				37	THCS Đinh Tiên Hoàng			
53	Nguyễn Lý Kỳ Thư	07/10/2010	Nữ	7567193191	37				37	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
54	Đỗ Thị Phương Thảo	19/07/2010	Nữ	7540279186	37				37	THCS Võ Nguyên Giáp			
55	Nguyễn Như Thủy Tiên	03/09/2010	Nữ	7523826477	37				37	THCS Đinh Tiên Hoàng			
56	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	06/08/2010	Nữ	7565179885	37				37	THCS Đinh Tiên Hoàng			
57	Nguyễn Thế Huy	12/11/2010	Nam	7567199362	37				37	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
58	Lê Nguyễn Thanh Tâm	27/12/2010	Nữ	7574236419	37				37	THCS Trịnh Hoài Đức			
59	Trịnh Trần Ngọc Ánh	07/02/2010	Nữ	3804529721	37				37	THCS Trịnh Hoài Đức			
60	Nguyễn Thanh Vân	01/11/2010	Nữ	7567203301	37				37	THCS Võ Nguyên Giáp			

STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
61	Nguyễn Ngọc Bảo Yến	03/02/2010	Nữ	7523826480	37				37	THCS Đinh Tiên Hoàng			
62	Đặng Thùy Trâm	04/04/2010	Nữ	3867203299	37				37	THCS Võ Nguyên Giáp			
63	Lý Diệp Vinh Đạt	23/05/2010	Nam	7524452743	36		1	1	37	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
64	Nguyễn Thị Diễm My	20/07/2010	Nữ	7524805120	37				37	THCS Đinh Tiên Hoàng			
65	Dùng Thế Nam Nhân	14/11/2010	Nam	7524800522	36		1	1	37	THCS Đinh Tiên Hoàng			
66	Nguyễn Hoàng Quân	28/01/2010	Nam	7524821154	37				37	THCS Đinh Tiên Hoàng			
67	Dương Quế Văn	02/09/2010	Nữ	7567199380	36		1	1	37	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
68	Nguyễn Tú Quyên	16/06/2010	Nữ	7512569002	37				37	THCS Hòa Bình			
69	Nguyễn Thiên An	06/10/2010	Nam		37				37	THCS Lý Tự Trọng			
70	Phạm Ngọc Hải	13/04/2010	Nam	7551268401	37				37	THCS Hùng Vương			
71	Dương Gia Bảo	05/06/2010	Nam	7565103896	37				37	THCS Tam Phước			
72	Nguyễn Phạm Mai Phương	13/08/2010	Nữ	7565838938	37				37	THCS Hòa Bình			
73	Nguyễn Trần Gia Hân	20/08/2010	Nữ	7550901645	37				37	Tiểu học, THCS và THPT Trịnh Hoài Đức			
74	Lê Thị Mỹ Duyên	26/05/2010	Nữ	6465097974	37				37	THCS Tam Phước			
75	Phan Trần Phương Anh	10/08/2010	Nữ	7582563358	37				37	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
76	Trịnh Trần Nguyên Khôi	17/09/2010	Nam	7542977671	37				37	THCS Lý Tự Trọng			
77	Võ Đức Mạnh	19/07/2010	Nam	7544227605	37				37	THCS Phước Tân 2			
78	Phan Thùy Dương	09/01/2010	Nữ	7564228771	37				37	Tiểu học, THCS và THPT Trịnh Hoài Đức			
79	Đào Minh Hoàng	05/03/2010	Nam	7512927274	37				37	THCS Lý Tự Trọng			
80	Nguyễn Hoàng Phương Dung	11/08/2010	Nữ	7566852787	37				37	THCS Võ Thị Sáu			

STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
81	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	17/05/2010	Nữ	4064749634	37				37	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
82	Đoàn Thị Hải Anh	20/08/2010	Nữ	7510954409	37				37	THCS Lý Tự Trọng			
83	Nguyễn Hồ Diệu Thương	14/12/2010	Nữ	7534353558	37				37	THCS Hòa Bình			
84	Đinh Ngọc Bảo Quyên	01/11/2010	Nữ	7567249729	37				37	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
85	Nguyễn Thiên Thanh Tú	03/06/2010	Nữ	7554260092	37				37	THCS Minh Đức			
86	Võ Hoàng Mai Linh	18/10/2010	Nữ	7512568979	37				37	THCS Hòa Bình			
87	Trịnh Trần Minh Thư	29/01/2010	Nữ	7565838855	37				37	THCS Hòa Bình			
88	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	12/08/2010	Nữ	7567650323	37				37	THCS Nguyễn Thượng Hiền			
89	Nguyễn Hải Ý	19/08/2010	Nữ	7576829302	37				37	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
90	Phạm Chánh Huy	01/05/2010	Nam	7564510286	37				37	THCS Huỳnh Văn Nghệ			
91	Nguyễn Thành Nam	26/02/2010	Nam	7534224331	37				37	THCS Hòa Bình			
92	Lê Trần Anh Thư	01/06/2010	Nữ	7555768321	37				37	THCS Lý Tự Trọng			
93	Phạm Đăng Khoa	11/01/2010	Nam	4265098470	37				37	THCS Tam Phước			
94	Hoàng Ngọc Phương Ly	13/10/2010	Nữ	7422033079	37				37	THCS Hòa Bình			
95	Thiều Hoàng Duy	21/12/2010	Nam	7567249672	37				37	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
96	Võ Thị Mỹ Duyên	13/08/2010	Nữ	7566852789	37				37	THCS Võ Thị Sáu			
97	Lê Phương Duy	01/07/2010	Nam	7543820800	37				37	THCS Tam Phước			
98	Hoàng Thanh Thúy	09/08/2010	Nữ	7512620881	37				37	THCS Hòa Bình			
99	Nguyễn Như Quỳnh	23/11/2010	Nữ	7543820729	37				37	THCS Tam Phước			
100	Vũ Ngọc Tuyết My	13/07/2010	Nữ	7565399048	37				37	THCS Hùng Vương			

STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
101	Nguyễn Thái Hà	08/12/2010	Nam	7565838988	37				37	THCS Hòa Bình			
102	Bùi Lê Vy Cầm	20/02/2010	Nữ	7564228660	37				37	Tiểu học, THCS và THPT Trịnh Hoài Đức			
103	Dương Bá Anh Bình	18/04/2010	Nam	7405844371	37				37	THCS Hòa Bình			
104	Nguyễn Anh Bảo	16/07/2010	Nam	7512294820	37				37	THCS và THPT Hùng Vương			
105	Hoàng Lê Thương Tín	01/12/2010	Nam	7555809984	37				37	THCS Huỳnh Văn Nghệ			
106	Nông Hồ Quỳnh Như	22/10/2010	Nữ	7566852721	36		1	1	37	THCS Võ Thị Sáu			
107	Nguyễn Duy Tân	13/05/2010	Nam	7534353465	37				37	THCS Hòa Bình			
108	Nguyễn Tường Vy	16/07/2010	Nữ	7534224351	37				37	THCS Hòa Bình			
109	Huỳnh Nguyễn Hồng Ngọc	28/08/2010	Nữ	7567293231	37				37	THCS Lý Tự Trọng			
110	Vòng Nhã Thơ	22/08/2010	Nữ	7566852987	36		1	1	37	THCS Võ Thị Sáu			
111	Đặng Nguyễn Trúc My	26/10/2010	Nữ	7567249682	37				37	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
112	Nguyễn Ngọc Lâm	28/11/2010	Nam	7534353538	36		1	1	37	THCS Hòa Bình			
113	Nguyễn Quốc Anh	12/04/2010	Nam	7543820933	37				37	THCS Tam Phước			
114	Đỗ Phan Ánh Nguyệt	05/03/2010	Nữ	7538608340	37				37	THCS Hùng Vương			
115	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	15/02/2010	Nữ	7564219999	37				37	TH-THCS Trần Quốc Tuấn			
116	Đoàn Lê Luyện	08/08/2010	Nam	7567249652	37				37	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
117	Lê Nguyễn Linh Uyên	06/11/2010	Nữ	7567203331	36	0.5		0.5	36.5	THCS Võ Nguyên Giáp			
118	Phạm Nhất Thanh Nguyên	16/07/2010	Nam	7560089810	36				36	THCS Phan Chu Trinh			
119	Lê Thị Hà Vy	14/11/2010	Nữ	7512391435	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
120	Nguyễn Nguyễn Tường Vi	30/03/2010	Nữ	7565407326	36				36	THCS Phan Chu Trinh			

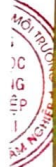
STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
121	Nguyễn Anh Quân	05/04/2009	Nam	7567265319	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
122	Nguyễn Thị Thiên Kim	26/10/2010	Nữ	7574236325	36				36	THCS Trịnh Hoài Đức			
123	Phạm Thị Quỳnh Nga	23/07/2010	Nữ	2476054696	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
124	Đinh Trần Minh Đức	30/11/2010	Nam	7567194901	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
125	Nguyễn Lê Quỳnh Như	09/05/2010	Nữ	7574236464	36				36	THCS Trịnh Hoài Đức			
126	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12/01/2010	Nữ	7574829889	36				36	THCS Nguyễn Công Trứ			
127	Hoàng Thanh Long	31/12/2009	Nam	7521391362	36				36	THCS Nguyễn Công Trứ			
128	Vũ Quỳnh Giang	02/08/2010	Nữ	7527664089	36				36	THCS Phan Chu Trinh			
129	Đỗ Thị Như Quỳnh	26/02/2010	Nữ	7565179853	36				36	THCS Đinh Tiên Hoàng			
130	Vũ Đình Huy Hoàng	25/07/2010	Nam	7565179959	36				36	THCS Đinh Tiên Hoàng			
131	Nguyễn Văn Định	11/01/2010	Nam	7567114555	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
132	Trần Minh Huy	24/12/2010	Nam	7560014327	36				36	THCS Phan Chu Trinh			
133	Đặng Minh Phát	22/01/2010	Nam	7574236466	36				36	THCS Trịnh Hoài Đức			
134	Nguyễn Ngọc Minh Thư	29/03/2010	Nữ	7565179947	36				36	THCS Đinh Tiên Hoàng			
135	Nguyễn Thị Yến Nhi	29/09/2010	Nữ	7567485992	36				36	THCS Nguyễn Công Trứ			
136	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	16/08/2010	Nữ	7521409225	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
137	Đoàn Thị Quỳnh Anh	21/03/2009	Nữ	7573916663	36				36	THCS Đinh Tiên Hoàng			
138	Giáp Bảo Ngọc	05/04/2010	Nữ	7546972253	36				36	THCS Đinh Tiên Hoàng			
139	Nguyễn Đức Hòa	07/12/2010	Nam	7567265298	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
140	Phan Vũ Kiều Trinh	01/02/2010	Nữ	7524798353	36				36	THCS Đinh Tiên Hoàng			

STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
141	Trần Thị Quỳnh Mai	25/12/2010	Nữ	7574236456	36				36	THCS Trịnh Hoài Đức			
142	Nguyễn Hoàng Hồng Phúc	21/07/2010	Nữ	7512834701	36				36	THCS Nguyễn Công Trứ			
143	Nguyễn Mạnh Cường	29/10/2009	Nam	7565179956	36				36	THCS Đinh Tiên Hoàng			
144	Nguyễn Nhật Phong	13/03/2010	Nam	7565179864	36				36	THCS Đinh Tiên Hoàng			
145	Lưu Quốc Cường	10/01/2010	Nam	7564228689	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
146	Lê Trần Thế Nhân	21/03/2010	Nam	7574236347	36				36	THCS Trịnh Hoài Đức			
147	Trần Hữu Nhật	24/04/2010	Nam	4240972067	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
148	Nguyễn Thanh Thúy	15/12/2010	Nữ	7567199375	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
149	Dương Thị Lan Dung	11/09/2010	Nữ	7574829924	36				36	THCS Nguyễn Công Trứ			
150	Nguyễn Thành Đạt	03/04/2010	Nam	7567265274	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
151	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	14/09/2010	Nữ	7521409249	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
152	Nguyễn Hoàng Anh Khoa	14/05/2010	Nam	7567114572	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
153	Nguyễn Minh Hoàng	15/10/2010	Nam	7574236316	36				36	THCS Trịnh Hoài Đức			
154	Lê Thu An	09/12/2009	Nữ	8767199935	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
155	Nguyễn Bảo Ngọc	26/02/2010	Nữ	7574236459	36				36	THCS Trịnh Hoài Đức			
156	Trần Thị Như Quỳnh	08/06/2010	Nữ	7567196518	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
157	Nguyễn Hoàng Thiên Bảo	29/01/2010	Nam	7560089785	36				36	THCS Phan Chu Trinh			
158	Nguyễn Ngọc Bích Ly	25/02/2010	Nữ	7578621089	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
159	Võ Thị Trâm Anh	07/10/2010	Nữ	7574236307	36				36	THCS Trịnh Hoài Đức			
160	Hoàng Phạm Thuý Linh	27/09/2010	Nữ	7574829940	36				36	THCS Nguyễn Công Trứ			



STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
161	Nguyễn Lê Thùy Dương	21/03/2010	Nữ	7524805068	36				36	THCS Đinh Tiên Hoàng			
162	Nguyễn Hoàng Thùy Tiên	06/03/2010	Nữ	4473942312	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
163	Khuất Hồng Phúc	04/07/2010	Nữ	7524412714	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
164	Vũ Lê Quốc Dũng	25/01/2010	Nam	7510888233	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
165	Lê Quỳnh Anh	24/09/2010	Nữ	7564228633	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
166	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	07/04/2010	Nữ	7567114574	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
167	Trần Quốc Thịnh	31/01/2010	Nam	7519455157	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
168	Tạ Đức Huy	24/09/2010	Nam	7511678967	35		1	1	36	THCS Nguyễn Hữu Cánh			
169	Nguyễn Hoàng Đức Huy	16/06/2010	Nam	7574236317	36				36	THCS Trịnh Hoài Đức			
170	Phạm Ngọc Thảo My	26/10/2010	Nữ	7567203202	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
171	Nghiêm Mộng Như Ý	25/10/2009	Nữ	7524800536	36				36	THCS Đinh Tiên Hoàng			
172	Nguyễn Duy Đức	10/08/2010	Nam	7567114557	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
173	Tạ Nguyễn Quốc Trung	14/09/2010	Nam	7574505023	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
174	Đặng Thành Hải	12/08/2010	Nam	7574236389	36				36	THCS Trịnh Hoài Đức			
175	Nguyễn Phương Trang	06/02/2010	Nữ	7512834711	36				36	THCS Nguyễn Công Trứ			
176	Nguyễn Phúc Hưng	21/10/2010	Nam	7521409106	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
177	Nguyễn Anh Thư	29/08/2009	Nữ	7565179892	36				36	THCS Đinh Tiên Hoàng			
178	Nguyễn Năng Thanh Tú	25/03/2010	Nam	7574458477	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
179	Nguyễn Hoàng Anh Thư	10/01/2010	Nữ	7524821157	36				36	THCS Đinh Tiên Hoàng			
180	Nguyễn Bùi Khánh Ngọc	15/09/2010	Nữ	7567485991	36				36	THCS Nguyễn Công Trứ			

STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
181	Nguyễn Văn Quốc Thái	26/06/2010	Nam	7567203311	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
182	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	17/12/2010	Nữ	7521460216	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
183	Nguyễn Hùng Lợi	21/03/2010	Nam	7540972303	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
184	Lê Thị Thảo My	23/02/2010	Nữ	7540972062	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
185	Vũ Quốc Hào	06/02/2010	Nam	7521390948	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
186	Đoàn Lê Thái Sơn	08/02/2010	Nam	7540279181	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
187	Nguyễn Thị Thanh Trà	05/05/2010	Nữ	7574505020	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
188	Nguyễn Hoàng Thảo Vy	04/02/2010	Nữ	7524821163	36				36	THCS Đình Tiên Hoàng			
189	Nguyễn Ngọc Hải	19/08/2010	Nam	7542473695	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
190	Nguyễn Lê Minh Đức	08/08/2010	Nam	7567194411	36				36	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
191	Lê Thị Yến Nhi	27/08/2010	Nữ	7565179886	36				36	THCS Đình Tiên Hoàng			
192	Phạm Thị Ngọc Thương	04/02/2010	Nữ	3839553387	36				36	THCS Võ Nguyên Giáp			
193	Nguyễn Lê Nguyệt Hằng	23/12/2009	Nữ	5106597122	36				36	THCS Tam Phước			
194	Lương Thị Khánh Linh	06/08/2010	Nữ	7566870736	36				36	THCS Phước Tân 1			
195	Nguyễn Lê Anh Thư	19/03/2010	Nữ	7565098025	36				36	THCS Tam Phước			
196	Lý Hà My	09/12/2010	Nữ	7564219932	36				36	TH-THCS Trần Quốc Tuấn			
197	Trần Thanh Khang	02/11/2010	Nam	9665098181	36				36	THCS Tam Phước			
198	Đỗ Nguyễn Trà My	26/01/2010	Nữ	7566852716	36				36	THCS Võ Thị Sáu			
199	Lê Thị Minh Ngọc	22/05/2010	Nữ	7564220084	36				36	TH-THCS Trần Quốc Tuấn			
200	Đoàn Thị Vân Anh	09/12/2010	Nữ	7512661845	36				36	THCS Hòa Bình			



STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
201	Lê Thị Quỳnh Anh	13/09/2010	Nữ	7564510142	36				36	THCS Huỳnh Văn Nghệ			
202	Lê Ngọc Thái	23/12/2010	Nam	7565098402	36				36	THCS Tam Phước			
203	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	04/11/2010	Nữ	7564219936	36				36	TH-THCS Trần Quốc Tuấn			
204	Trần Thị Tuyết Nhi	22/11/2010	Nữ	7512885168	36				36	THCS Tam Phước			
205	Trần Thị Ánh Linh	09/01/2010	Nữ	3868765690	36				36	TH-THCS Trần Quốc Tuấn			
206	Lê Khánh Linh	05/07/2010	Nữ	4265844091	36				36	THCS Hòa Bình			
207	Trần Gia Huy	04/06/2010	Nam	3301200602	36				36	THCS An Phước			
208	Phạm Hoàng Quốc Thuận	21/06/2010	Nam	7567293293	36				36	THCS Lý Tự Trọng			
209	Phạm Ngọc Thuý Tiên	29/06/2010	Nữ	7579946558	36				36	THCS Lý Tự Trọng			
210	Phan Nguyễn Mai Phương	01/09/2010	Nữ	7536789832	36				36	THCS Hòa Bình			
211	Nguyễn Hà Nhật Huy	16/09/2010	Nam	7567249644	36				36	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
212	Phạm Quang Hoàng	04/01/2010	Nam	7565103899	36				36	THCS Tam Phước			
213	Nguyễn Văn Anh Dũng	26/05/2010	Nam	7576267974	36				36	THCS Hòa Bình			
214	Lê Công Gia Bảo	08/06/2010	Nam	7564219833	36				36	TH-THCS Trần Quốc Tuấn			
215	Lương Thị Kim Ly	04/06/2010	Nữ	7567650221	36				36	THCS Nguyễn Thượng Hiền			
216	Nguyễn Duy Khánh	27/07/2010	Nam	9165097992	36				36	THCS Tam Phước			
217	Nguyễn Thị Thanh Quý	24/02/2010	Nữ	7565098205	36				36	THCS Tam Phước			
218	Nguyễn Thị Kim Ngọc	04/04/2010	Nữ	7510905782	36				36	THCS Lý Tự Trọng			
219	Phạm Ngọc Bảo Trâm	25/11/2010	Nữ	7567650359	36				36	THCS Nguyễn Thượng Hiền			
220	Nguyễn Ngọc Diễm My	04/07/2010	Nữ	7567249721	36				36	THCS Nguyễn Bá Ngọc			

STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
221	Nguyễn Lê Bích Trâm	02/05/2010	Nữ	7513843427	36				36	THCS Phước Tân 2			
222	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	22/08/2010	Nữ	7566852953	36				36	THCS Võ Thị Sáu			
223	Chu Thị Thanh Thủy	25/03/2010	Nữ	4065838940	36				36	THCS Hòa Bình			
224	Lê Hoàng Ngọc My	10/06/2010	Nữ	7566852717	36				36	THCS Võ Thị Sáu			
225	Phạm Triệu Mạnh Hùng	02/06/2010	Nam	7565837837	36				36	THCS Hòa Bình			
226	Phạm Ngọc Trà My	19/08/2010	Nữ	7578875852	36				36	THCS Hùng Vương			
227	Nguyễn Anh Thơ	20/10/2010	Nữ	7565838939	36				36	THCS Hòa Bình			
228	Nguyễn Thanh Tùng	05/01/2010	Nam	7543820837	36				36	THCS An Phước			
229	Nguyễn Huy	26/10/2010	Nam	7512568975	36				36	THCS Hòa Bình			
230	Phạm Minh Quân	17/09/2010	Nam	7566198234	36				36	THCS Lê Lợi			
231	Võ Trúc Doanh	04/08/2010	Nữ	7542796873	36				36	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
232	Vũ Đại Nghĩa	05/01/2010	Nam	7566852933	36				36	THCS Võ Thị Sáu			
233	Đỗ Bảo Hân	24/03/2010	Nữ	7565098247	36				36	THCS Tam Phước			
234	Nguyễn Thùy Dung	03/09/2010	Nữ	7512072577	36				36	THCS Huỳnh Văn Nghệ			
235	Nguyễn Huỳnh Tiến Đạt	10/08/2010	Nam	7566852749	36				36	THCS Võ Thị Sáu			
236	Bùi Thị Thùy Linh	28/04/2010	Nữ	7534224328	36				36	THCS Hòa Bình			
237	Hoàng Thị Trúc Vy	07/08/2010	Nữ	7564590834	36				36	THCS Hùng Vương			
238	Nguyễn Hải Vy	24/11/2010	Nữ	7564510408	36				36	THCS Huỳnh Văn Nghệ			
239	Huỳnh Hồng Hạnh	18/09/2009	Nữ	7587817173	36				36	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
240	Nguyễn Đức Tài	29/10/2010	Nam	7543820683	36				36	THCS Tam Phước			

STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
241	Phan Ngọc Hân	11/05/2010	Nữ	7565254539	36				36	THCS An Phước			
242	Đặng Khánh Huyền	12/01/2010	Nữ	2500250259	36				36	THCS Hòa Bình			
243	Phan Đông Quân	03/02/2010	Nam	7511032142	36				36	THCS Lý Tự Trọng			
244	Phạm Ngọc Bảo	01/07/2010	Nữ	7565097965	36				36	THCS Tam Phước			
245	Hà Minh Đăng	24/12/2010	Nam	7566852968	36				36	THCS Võ Thị Sáu			
246	Ngô Khánh Phương	03/04/2010	Nữ	2761831546	36				36	THCS Huỳnh Văn Nghệ			
247	Nguyễn Hoàng Nhật Linh	02/05/2010	Nam	7512273660	36				36	THCS Hùng Vương			
248	Nguyễn Thị Diệp	13/02/2010	Nữ	7564590816	36				36	THCS Hùng Vương			
249	Lê Hà Anh Thư	31/12/2010	Nữ	7567650245	36				36	THCS Nguyễn Thượng Hiền			
250	Lê Hà My	24/03/2010	Nữ	7534353395	36				36	THCS Hòa Bình			
251	Dương Thị Như Quỳnh	06/09/2010	Nữ	7564591007	36				36	THCS Hùng Vương			
252	Nguyễn Ngọc Thủy Dung	26/07/2010	Nữ	7567249671	36				36	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
253	Phan Nguyễn Thảo Vy	12/09/2010	Nữ	7513141808	36				36	THCS Hòa Bình			
254	Nguyễn Thành Đạt	30/10/2010	Nam	7513354621	36				36	THCS Lê Quang Định			
255	Nguyễn Thảo Uyên	19/05/2010	Nữ	7511037833	36				36	THCS Lý Tự Trọng			
256	Hồ Anh Dũng	23/09/2010	Nam	7512617768	36				36	THCS Hòa Bình			
257	Nguyễn Huỳnh Quỳnh An	03/02/2010	Nữ	7567249707	36				36	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
258	Phan Võ Yến Nhi	07/06/2010	Nữ	7564219940	36				36	TH-THCS Trần Quốc Tuấn			
259	Lê Võ Kiều Diễm	09/03/2009	Nữ	7537148631	36				36	THCS Huỳnh Văn Nghệ			
260	Nguyễn Ngọc Bảo Nghi	21/08/2010	Nữ	7567254175	36				36	THCS Nguyễn Bá Ngọc			



STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
261	Nguyễn Thanh An	11/09/2010	Nam	7578786465	36				36	THCS Trường Sa			
262	Hoàng Nguyễn Minh Thư	28/07/2010	Nữ	7511176715	36				36	THCS Lý Tự Trọng			
263	Nguyễn Thị Hồng Diễm	13/07/2010	Nữ	7564510104	36				36	THCS Huỳnh Văn Nghệ			
264	Trần Lê Nhất Phương	17/03/2010	Nữ	7513385762	36				36	THCS Hòa Bình			
265	Lê Trần Như Thủy	22/03/2010	Nữ	7511363734	36				36	THCS Huỳnh Văn Nghệ			
266	Nguyễn Lê Gia An	14/05/2010	Nữ	7564590933	36				36	THCS Hùng Vương			
267	Nguyễn Trúc Linh	30/01/2010	Nữ	7564228648	36				36	THCS Hòa Bình			
268	Đặng Đình Hưng	04/05/2010	Nam	7564590954	36				36	THCS Hùng Vương			
269	Phạm Thị Quỳnh Như	08/06/2010	Nữ	7566852767	36				36	THCS Võ Thị Sáu			
270	Bùi Thanh Thương	23/05/2010	Nữ	7565098294	36				36	THCS Tam Phước			
271	Trần Tri Thanh Trúc	04/12/2010	Nữ	7567650305	36				36	THCS Nguyễn Thượng Hiền			
272	Nguyễn Lê Nhật Hạ	23/03/2010	Nữ	7567293227	36				36	THCS Lý Tự Trọng			
273	Trần Thị Thanh Trúc	06/08/2010	Nữ	7559644798	36				36	Tiểu học, THCS và THPT Trịnh Hoài Đức			
274	Nguyễn Lê Khánh Vy	04/12/2010	Nữ	7511064801	36				36	THCS Long Bình			
275	Tạ Kim Khánh Linh	20/11/2010	Nữ	7513135933	36				36	THCS Hòa Bình			
276	Bùi Nguyễn Đức Chí	22/12/2010	Nam	7566870508	36				36	THCS Phước Tân 1			
277	Bùi Trần Đăng Linh	30/10/2010	Nam	7534224329	36				36	THCS Hòa Bình			
278	Nguyễn Trịnh Phương Trang	28/07/2010	Nữ	7543820971	36				36	THCS Tam Phước			
279	Nguyễn Trương Khả Vy	17/12/2010	Nữ	7566852734	36				36	THCS Võ Thị Sáu			
280	Nguyễn Lương Ngọc Huyền	19/08/2010	Nữ	7534353446	36				36	THCS Hòa Bình			

STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
281	Nguyễn Trà My	03/11/2010	Nữ	7564590907	36				36	THCS Hùng Vương			
282	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	21/02/2010	Nữ	7567249654	36				36	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
283	Từ Đoàn Ngọc Như	26/10/2010	Nữ	7574402814	36				36	THCS Võ Thị Sáu			
284	Đình Minh Tân	25/09/2010	Nam	7564510358	36				36	THCS Huỳnh Văn Nghệ			
285	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	07/08/2010	Nữ	7510914223	36				36	THCS Lý Tự Trọng			
286	Đặng Ngọc Diễm	08/11/2010	Nữ	7566852964	36				36	THCS Võ Thị Sáu			
287	Nguyễn Thế Anh	20/05/2010	Nam	7513222744	36				36	THCS Tam Phước			
288	Nguyễn Tuấn Kiệt	09/04/2010	Nam	7510923779	36				36	THCS Lý Tự Trọng			
289	Trần Minh Tân	08/02/2010	Nam	7565254578	36				36	THCS Hòa Bình			
290	Đoàn Mạnh Dũng	24/06/2010	Nam	7543820651	36				36	THCS Hòa Bình			
291	Nguyễn Mạnh Cầm	10/04/2010	Nam	6835215176	36				36	THCS Long Bình			
292	Bùi Thị Thảo	03/07/2010	Nữ	7565837895	36				36	THCS Hòa Bình			
293	Huỳnh Minh Tâm	07/02/2010	Nam	7567650352	36				36	THCS Nguyễn Thượng Hiền			
294	Lại Vũ Trâm Anh	05/01/2010	Nữ	7510835206	36				36	THCS Lý Tự Trọng			
295	Phạm Khánh Ly	07/01/2010	Nữ	7565399061	36				36	THCS Hùng Vương			
296	Huỳnh Ngọc Bích Trâm	12/01/2010	Nữ	7565103919	36				36	THCS Hòa Bình			
297	Trần Hoàng Thiện Phúc	12/02/2010	Nam	7569316857	36				36	Tiểu học, THCS và THPT Trịnh Hoài Đức			
298	Nguyễn Bảo Khang	17/10/2010	Nam	7520636828	36				36	THCS Huỳnh Văn Nghệ			
299	Nguyễn Phương Thảo Uyên	29/10/2010	Nữ	7512834713	35				35	THCS Nguyễn Công Trứ			
300	Phạm Thị Thảo Nguyên	06/08/2010	Nữ	7564337757	35				35	THCS Hòa Bình			

STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
301	Bùi Hữu Lâm Phước	13/06/2010	Nam	4067203298	35				35	THCS Võ Nguyên Giáp			
302	Nguyễn Ngọc Tâm Như	12/03/2010	Nữ	7565179808	35				35	THCS Đinh Tiên Hoàng			
303	Tạ Uyển Đình	09/10/2010	Nữ	7513619267	35				35	THCS Tam Hòa			
304	Hà Ngọc Tường Vy	18/02/2010	Nữ	8378621093	35				35	THCS Võ Nguyên Giáp			
305	Nguyễn Đăng Khoa	29/01/2010	Nam	7563972016	35				35	THCS Trịnh Hoài Đức			
306	Vòng Thư Mỹ Duyên	07/08/2010	Nữ	7567114553	34		1	1	35	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
307	Hoàng Thùy Linh	04/05/2010	Nữ	7565407996	35				35	THCS Phan Chu Trinh			
308	Nguyễn Mạnh Cường	05/01/2010	Nam	7574236382	35				35	THCS Trịnh Hoài Đức			
309	Vân Thị Ngọc Hân	03/11/2010	Nữ	7567193496	34		1	1	35	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
310	Nguyễn Thị An Bình	12/10/2010	Nữ	7567485948	35				35	THCS Nguyễn Công Trứ			
311	Nguyễn Đỗ Xuân Bảo	20/08/2010	Nam	7560089783	35				35	THCS Phan Chu Trinh			
312	Nguyễn Quang Đại	24/12/2010	Nam	7538251661	35				35	THCS Đinh Tiên Hoàng			
313	Trần Nguyễn Gia Khánh	20/05/2010	Nam	7564228832	35				35	THCS Trịnh Hoài Đức			
314	Nguyễn Mạnh Hùng	20/11/2010	Nam	7564228774	35				35	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
315	Nguyễn Cửu Nhật Duy	06/01/2010	Nam	7513843320	35				35	THCS Đinh Tiên Hoàng			
316	Dương Yến Linh	26/09/2010	Nữ	7521410427	34		1	1	35	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
317	Thăng Mỹ Linh	27/09/2009	Nữ	7567114575	34		1	1	35	THCS Huỳnh Thúc Kháng			
318	Phạm Ngọc Anh Thư	11/10/2009	Nữ	7523828516	35				35	THCS Đinh Tiên Hoàng			
319	Dương Tuấn Kiệt	02/02/2010	Nam	9467203306	34		1	1	35	THCS Võ Nguyên Giáp			
320	Vy Văn Nguyễn Vinh	06/12/2010	Nam	7567265293	34		1	1	35	THCS Võ Nguyên Giáp			

STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
321	Lê Minh Hiếu	28/05/2010	Nam	9376054699	35				35	THCS Võ Nguyên Giáp			
322	Nhữ Hoàng Phong	03/05/2010	Nam	7543490223	35				35	THCS Tam Phước			
323	Mai Thị Minh Thu	01/01/2010	Nữ	7567249695	35				35	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
324	Vòng Ngọc Phụng	25/06/2010	Nữ	7566852983	34		1	1	35	THCS Võ Thị Sáu			
325	Trần Trung Hiếu	02/12/2010	Nam	9665098054	35				35	THCS Tam Phước			
326	Phạm Minh Tuấn	14/05/2010	Nam	7567293295	35				35	THCS Lý Tự Trọng			
327	Đỗ Hà Vy	15/02/2010	Nữ	7554214996	35				35	THCS Tam Phước			
328	Nguyễn Diệu Hương	12/12/2010	Nữ	7535420890	34		1	1	35	THCS Hòa Bình			
329	Mai Phương Vy	21/03/2010	Nữ	7564092087	34		1	1	35	THCS Tân Phong			
330	Phạm Vũ Như Thảo	14/10/2010	Nữ	7565838755	35				35	THCS Hòa Bình			
331	Khuu Học Tài	23/09/2010	Nam	9107536670	34		1	1	35	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
332	Nguyễn Ngọc Bảo Uyên	13/08/2010	Nữ	7567249702	35				35	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
333	Bùi Huyền Trang	06/04/2010	Nữ	7566852819	35				35	THCS Võ Thị Sáu			
334	Hoàng Văn Đạt	28/11/2010	Nam	7960821923	35				35	THCS Hòa Bình			
335	Phan Lê Như Ý	08/08/2010	Nữ	7566144650	35				35	THCS Bình Đa			
336	Phan Thị Quỳnh Thu	15/01/2010	Nữ	7553970800	35				35	THCS Minh Đức			
337	Nguyễn Thị Bảo Thy	05/03/2010	Nữ	7567249696	35				35	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
338	Đồng Nguyễn Thảo Nhi	22/04/2010	Nữ	7567249724	35				35	THCS Nguyễn Bá Ngọc			
339	Vũ Hồng Anh	17/08/2010	Nữ	7565098233	35				35	THCS Tam Phước			
340	Hồ Hoàng Ngọc Trâm	12/04/2010	Nữ	750040010003	35				35	THCS TH&THCS Đắk Yă			
341	Lê Thu Nhi	05/11/2010	Nữ	7568759616	35				35	THCS Võ Thị Sáu			

STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
342	Tổng Phương Uyên	14/11/2010	Nữ	7574236373	34				34	THCS Trịnh Hoài Đức	8.25	8.40	7.90
343	Phan Diệu Minh	14/01/2010	Nữ	7563802145	34				34	THCS Minh Đức	8.13	7.40	8.00
344	Lưu Ngọc Quỳnh Như	14/09/2010	Nữ	7543820860	34				34	THCS Hòa Bình	8.09	7.50	7.00
345	Nguyễn Hoàng Thụy Vy	25/07/2010	Nữ	7582607061	34				34	THCS Phan Chu Trinh	8.08	5.60	7.60
346	Trần Thị Yến Vy	24/01/2010	Nữ	7560014458	34				34	THCS Phan Chu Trinh	8.07	6.50	6.80
347	Nguyễn Việt Tiến	01/01/2010	Nam	7564510361	34				34	THCS Huỳnh Văn Nghệ	7.99	8.10	7.30
348	Phạm Thị Minh Huyền	18/02/2010	Nữ	7579946564	34				34	THCS Lý Tự Trọng	7.96	9.20	7.60
349	Nguyễn Thị Thùy Trang	29/03/2010	Nữ	7524805101	34				34	THCS Đinh Tiên Hoàng	7.90	6.70	8.70
350	Phạm Thị Lan Anh	12/06/2010	Nữ	7565837823	34				34	THCS Hòa Bình	7.89	7.50	6.90
351	Trần Quyết Đại	08/01/2010	Nam	7566852872	34				34	THCS Võ Thị Sáu	7.88	9.00	7.00
352	Nguyễn Thùy Trang	09/10/2010	Nữ	4218893750	33		1	1	34	THCS Lê Đình Chinh	7.88	7.10	7.20
353	Nguyễn Ánh Ngọc	17/11/2010	Nữ	7567203327	34				34	THCS Võ Nguyên Giáp	7.87	8.10	7.20
354	Trần Ngọc Như Tiên	29/01/2010	Nữ	7521410859	34				34	THCS Nguyễn Công Trứ	7.87	7.60	7.20
355	Nguyễn Thủ Khoa	28/04/2010	Nam	7563802193	34				34	THCS Minh Đức	7.86	7.30	7.70
356	Nguyễn Thị Thanh Phương	05/10/2010	Nữ	7574236354	34				34	THCS Trịnh Hoài Đức	7.80	7.20	7.60
357	Lê Nguyễn Thành Lễ	03/04/2010	Nam	7560014349	34				34	THCS Phan Chu Trinh	7.78	7.10	6.20
358	Phan Xuân Hoài	14/11/2010	Nam	7565838761	34				34	THCS Hòa Bình	7.73	6.50	5.80
359	Nguyễn Nhất Vy	02/07/2010	Nữ	7567249668	34				34	THCS Nguyễn Bá Ngọc	7.71	7.40	6.30
360	Phạm Thảo Nguyên	16/03/2010	Nữ	7536283984	34				34	THCS Phước Tân 1	7.71	6.30	7.20



STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
361	Ninh Đức Bảo Nam	27/01/2010	Nam	7578119077	34				34	TH - THCS Bắc Sơn	7.70	5.70	6.10
362	Dương Nhật Hào	02/05/2010	Nam	4665103898	34				34	THCS Tam Phước	7.69	7.00	8.00
363	Nguyễn Trung Kiên	19/10/2010	Nam	3413244337	34				34	THCS Hùng Vương	7.69	7.00	6.80
364	Nguyễn Trung Hiếu	24/09/2010	Nam	7512568969	34				34	THCS Hòa Bình	7.69	6.90	5.80
365	Trương Diễm My	10/12/2010	Nữ	7534351708	34				34	THCS Hòa Bình	7.66	7.80	6.90
366	Vũ Nguyễn Trà My	05/01/2010	Nữ	7568006600	34				34	THCS Huỳnh Văn Nghệ	7.66	6.60	7.70
367	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	25/02/2010	Nữ	7523826478	34				34	THCS Đình Tiên Hoàng	7.66	5.00	7.40
368	Nguyễn Hoàng Phúc	17/10/2010	Nam	7565179831	34				34	THCS Đình Tiên Hoàng	7.65	6.70	8.00
369	Võ Lê Hoàng Linh	31/01/2010	Nữ	7963358121	34				34	THCS Tam Phước	7.65	7.10	7.00
370	Võ Thùy Trang	24/06/2010	Nữ	9665839009	34				34	THCS Hòa Bình	7.65	7.00	6.30
371	Nguyễn Thị Kim Vân	09/08/2010	Nữ	7567265327	34				34	THCS Võ Nguyên Giáp	7.65	5.70	7.30
372	Hoàng Hồ Quỳnh Như	07/08/2010	Nữ	7544619897	34				34	THCS Hòa Bình	7.64	6.50	6.40
373	Nguyễn Tuấn Anh	03/01/2010	Nam	7565179837	34				34	THCS Đình Tiên Hoàng	7.62	6.90	8.00
374	Phạm Thị Thanh Huyền	20/01/2010	Nữ	7543820894	34				34	THCS Tam Phước	7.61	8.00	7.30
375	Phan Trà My	07/06/2010	Nữ	7564590922	34				34	THCS Hùng Vương	7.61	6.20	7.60
376	Nguyễn Như Thủy An	10/03/2010	Nữ	7521837974	34				34	THCS Lý Tự Trọng	7.60	7.70	5.70
377	Phạm Thị Phương Thảo	26/09/2010	Nữ	7539553385	34				34	THCS Võ Nguyên Giáp	7.57	7.50	7.20
378	Nguyễn Trọng Quốc Bảo	22/02/2010	Nam	7544865020	34				34	THCS An Phước	7.56	8.60	6.30
379	Trần Ngọc Bảo Minh	09/04/2010	Nam	7567293271	34				34	THCS Lý Tự Trọng	7.54	6.90	6.10
380	Nguyễn Trà My	20/12/2010	Nữ	7512561607	34				34	THCS Hòa Bình	7.51	7.20	6.50

HẸP V
 RƯỜN
 JING H
 Ồ THỎ
 1 NGH
 ỜNG N
 ' HỌC

STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
381	Hồ Tiến Đạt	10/09/2010	Nam	7564590953	34				34	THCS Hùng Vương	7.51	6.00	6.70
382	Trần Trung Hậu	31/08/2010	Nam	7566852702	34				34	THCS Võ Thị Sáu	7.50	8.10	6.30
383	Trần Thị Minh Thu	23/10/2010	Nữ	7574236369	34				34	THCS Trịnh Hoài Đức	7.50	6.90	7.20
384	Đoàn Duy Tuấn	03/01/2010	Nam	7564228756	34				34	Tiểu học, THCS và THPT Trịnh Hoài Đức	7.48	6.60	7.20
385	Đỗ Thị Thu Hoà	30/04/2010	Nữ	7574236314	34				34	THCS Trịnh Hoài Đức	7.47	5.60	6.00
386	Âu Hạ Lam	17/06/2010	Nữ	7523829730	34				34	THCS Đinh Tiên Hoàng	7.46	5.70	8.10
387	Trần Tuấn Nghĩa	26/07/2010	Nam	7574829884	34				34	THCS Nguyễn Công Trứ	7.46	7.10	6.60
388	Dương Thị Trâm Anh	10/12/2010	Nữ	7564337721	34				34	THCS Hòa Bình	7.46	6.30	6.80
389	Nguyễn Gia Tâm	21/06/2010	Nữ	7774504313	34				34	THCS Huỳnh Thúc Kháng	7.45	7.80	6.00
390	Nguyễn Thùy Hà Vy	18/09/2010	Nữ	7566852733	34				34	THCS Võ Thị Sáu	7.41	6.90	6.90
391	Mai Nguyễn Quỳnh Như	04/04/2010	Nữ	7524798341	34				34	THCS Đinh Tiên Hoàng	7.41	6.30	7.40
392	Trần Thị Anh Thư	06/01/2010	Nữ	7566870775	34				34	THCS Phước Tân 3	7.40	5.50	7.10
393	Trần Ngọc Trâm	03/05/2010	Nữ	8974505021	34				34	THCS Huỳnh Thúc Kháng	7.40	6.20	6.20
394	Nguyễn Hoàng Tú Quyên	14/12/2010	Nữ	7512283078	34				34	THCS Lý Tự Trọng	7.39	6.30	6.30
395	Đỗ Quốc Việt	02/09/2010	Nam	7534353430	34				34	THCS Hòa Bình	7.38	7.40	6.40
396	Nguyễn Hạo Nhiên	17/05/2010	Nam	7578618893	34				34	THCS Võ Nguyên Giáp	7.37	7.00	7.40
397	Hồ Mai Đan Thụy	14/02/2010	Nữ	7521950501	34				34	THCS Lý Tự Trọng	7.36	6.60	6.50
398	Nguyễn Hoàng Minh Thư	08/11/2010	Nữ	7566852989	34				34	THCS Võ Nguyên Giáp	7.35	6.90	7.20
399	Đinh Mạnh Quán	15/10/2010	Nam	7512569000	34				34	THCS Hòa Bình	7.34	7.20	4.70
400	Trần Hữu Ngọc Anh	10/09/2010	Nam	4243820743	34				34	THCS An Phước	7.33	7.80	5.60
401	Nguyễn Võ Thị Cẩm Ly	09/01/2010	Nữ	7511132026	34				34	THCS Lý Tự Trọng	7.31	6.70	6.50

STT	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Mã học sinh	Tổng điểm rèn luyện, học tập	Điểm ưu tiên, khuyến khích			Tổng điểm xét tuyển	Tên trường học cuối năm lớp 9	Tổng ĐTB các môn học lớp 9	ĐTB môn Toán lớp 9	ĐTB môn Ngữ văn lớp 9
						Điểm Khuyến khích	Điểm Ưu tiên	Tổng					
402	Hồ Viết Nhật Huy	11/10/2009	Nam	6034424639	34				34	TH - THCS Bắc Sơn	7.31	6.20	6.60
403	Phạm Hoàng Thái	24/02/2010	Nam	7567249736	34				34	THCS Nguyễn Bá Ngọc	7.31	6.50	6.10
404	Trần Thị Thu Thủy	22/08/2010	Nữ	7567194289	34				34	THCS Huỳnh Thúc Kháng	7.31	6.20	6.30
405	Lương Cơ Vinh	09/02/2010	Nam	7566852994	34				34	THCS Võ Thị Sáu	7.30	7.50	7.20

Tổng cộng có : 405 học sinh trúng tuyển tạm thời do Hội đồng tuyển sinh nhà trường xét duyệt

PHÊ DUYỆT CỦA SỞ GDĐT

Có học sinh trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2025-2026

(Ghi bằng chữ)

Ngày tháng . . . năm 2025

GIÁM ĐỐC

Đồng Nai, Ngày 09 tháng 10 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Trường Sơn

